

Nỗi Buồn Cuối Đời của Một Người Lính Già Lưu Lạc.

Phạm Tín An Ninh

(Đặc biệt xin gửi tặng Song Vũ cùng các chị Phụ Nữ Lâm Viên.)

Dạo sau này, anh không thường gọi tôi để hàn huyên như những năm trước. Ở cái tuổi trên 80, chồng chất bao nỗi đau buồn từ sau ngày gãy súng, tan hàng, tù tội, ly hương, rồi trải qua bao nhân tình thế thái, mới đây lại phải chứng kiến cảnh chiến hữu, huynh đệ đồng môn, chỉ vì có chút bất đồng mà nặng lời nhau, rồi quay lưng, chia ba xẻ bảy, nỗi chán chường càng đè nặng trong lòng, cộng thêm một vài chứng bệnh tuổi già, làm cho anh không còn thiết tha một điều gì nữa. Nói chuyện với anh, tôi cũng trở nên dè dặt, chỉ nghe giọng nói để đoán anh đang vui hay buồn và không dám nhắc lại những biến cố nào có thể làm vết thương trong lòng anh nhói đau trở lại, dù biết anh vẫn luôn quý mến tôi như ngày xưa, cả một thời cùng vui buồn, sống chết bên nhau. Đặc biệt, chúng tôi ở cạnh nhau trong khu cư xá của đơn vị, nên hai gia đình lại càng thân tình, gắn bó. Sau này trở thành cấp chỉ huy trực tiếp của tôi, nhưng lúc nào anh cũng xem tôi như một đứa em hay người bạn nhỏ. Anh lớn hơn tôi đúng ba tuổi. Lúc ấy chúng tôi đều còn khá trẻ, cả hai vừa mới có hai đứa con đầu. Vợ anh cũng lớn hơn vợ tôi năm, sáu tuổi, là người đàn bà

trẻ xuân sắc, hiền thực, đảm đang, hết mực lo lắng, chăm sóc chồng con, và cũng như những người vợ lính khác, luôn âm thầm cầu nguyện và hồi hộp chờ chồng trở về sau các cuộc hành quân.



NT Ngô Như Khuê - K12, đại diện các CSVSQ tại Bắc California đang tham dự tang lễ, chia buồn cùng tang quyến.

Buổi sáng ngày 6 tháng 12 năm 2023, đang giữa mùa Đông, ngoài trời mưa lạnh, tôi thức dậy sớm nhưng vẫn còn trèm chần nằm nán trên giường. Nghe tiếng điện thoại reo, nhìn trên mặt điện thoại, đồng hồ chỉ 6 giờ kém 15 phút và tên anh hiện ra, tôi nghĩ chắc phải có điều gì đặc biệt lắm anh mới gọi vào giờ này. Tôi ngần ngừ với một chút lo âu và nghe giọng nói đầy cảm xúc:

- Bà xã anh vừa mới mất. Anh báo tin em biết.

Dù đã đoán trước có điều không lành, nhưng tôi vẫn mất chút bình tĩnh, khựng lại giây lát rồi buột miệng:

- Chị mất lúc nào, anh?

- Mới sáng sớm hôm nay, Khoảng 2 giờ trước.

Hình dung đến hình ảnh của anh chị trong lần vợ chồng tôi

mới đến thăm cách đây hơn một tháng, muốn hỏi đôi điều về sự ra đi của chị, nhưng tôi nghẹn ngào nên chỉ nói thêm được một câu:

- Vợ chồng em xin chia buồn với anh và các cháu nghe. Anh cố gắng giữ gìn sức khỏe để lo cho chị.

Hai hôm sau tôi mới gọi lại để được nghe anh nói về nguyên nhân của sự ra đi của chị và chương trình dự trù cho ngày tang lễ.

Sáng ngày 26.12.2023, cùng vài người bạn cùng đơn vị xưa, từ nhiều nơi, chúng tôi có mặt tại Oak Hill Memorial Park ở thành phố San Jose để tiễn đưa chị về cõi vô cùng và trực tiếp nói lời phân ưu đến anh cùng các cháu.

Đứng bên di ảnh của chị đặt phía trước quan tài, đầu bịt khăn tang trắng, trông anh thật tiều tụy, làm chúng tôi đau xót, nghẹn lời. Định tâm tình với anh nhiều điều nhưng rồi cũng chỉ thốt được đôi câu trong nghẹn ngào, nước mắt. Anh đứng bất động, tôi có cảm giác như đang nhìn thấy được bao đau đớn, xót xa đang tràn ngập trong lòng anh. Anh hướng về phía chúng tôi, nhưng chắc trong sâu thẳm từ ký ức, anh đang hình dung đến chị, với cả một đời hy sinh, thua thiệt, đặc biệt khi chồng mình bất ngờ trở thành người bại trận, tù tội oan khiên, và chị cùng các con cũng trở thành nạn nhân trả thù hèn hạ của đám người thắng trận.

Tháng 9 năm 1983, tôi ra tù trước anh. Trước khi về quê ở miền Trung tôi ghé vợ lại Sài Gòn tìm thăm chị và các cháu. Sau nhiều năm nên trí nhớ khá mơ hồ, nhưng rồi tôi cũng tìm đến đúng nhà của anh chị. Một ngôi nhà nhỏ trong khu Khánh Hội, bên kia cầu Calmette, mà bà cụ, mẹ anh đã để lại sau lúc qui tiên. Cửa đóng. Tôi gõ nhẹ, ngạc nhiên khi thấy một người đàn bà lạ bước ra, nói giọng Bắc rất khó nghe. Tôi bảo đến tìm thăm bà chị, nhưng không ngờ nhà đã đổi chủ. Người đàn bà lắc đầu, nhưng lại bảo mẹ con bà ấy vẫn còn ở đây, và chỉ tôi xuống cái chái bếp phía sau nhà. Tôi ngỡ ngàng khi trông

thấy chị và bốn đứa con nhỏ sống chật chội trong căn bếp, chỉ đủ kê một cái giường nhỏ. Chị bảo căn nhà trên đã bị tịch thu và mẹ con chị bị đuổi xuống xó bếp này. Chị nở một nụ cười chua chát: “cũng còn may là không phải đi vùng kinh tế mới, nhờ mấy đứa con còn quá nhỏ!”

Mồ cô cha khá sớm. Năm 1954, gia đình anh kẹt lại miền Bắc. Mãi đến năm 1957, anh cùng mẹ và cậu em trai mới rời quê Hải Phòng, theo một vài người bà con, vượt biển vào Nam bằng chiếc thuyền buồm. Khi đến Quảng Bình, tưởng đã qua khỏi sông Bến Hải, cặp vào bờ thì bị bắt. Nhờ sự khôn khéo của mẹ, cả ba mẹ con được thả sớm. Năm sau mẹ lại quyết tâm đưa các con ra đi lần nữa, và lần này may mắn đã đến Cửa Việt. Ba mẹ con được sắp xếp tạm cư ở thành phố Huế. Anh tiếp tục đến trường. Cậu học trò vừa tròn 18 gặp cô học trò hàng xóm, nhỏ hơn mình một tuổi, từ xứ Quảng ra Huế trọ học ở nhà bà chị có chồng làm công chức. Thấy cô bé xinh xắn dễ thương nên chàng trai Hải Phòng đem lòng cảm mến, chứ khi ấy cả hai còn đi học nên đâu dám tính chuyện yêu đương. Nhưng chỉ hơn một năm sau, vì không thuận tiện cho việc sinh nhai, bà mẹ lại dẫn hai con vào Sài Gòn tái nghiệp. Thời ấy phương tiện liên lạc khó khăn nên hai người mất tin nhau. Sau khi đậu tú tài, anh tình nguyện vào Khóa 17 Trường Võ Bị Đà Lạt. Ngày nhập học, anh bất ngờ gặp lại một người bạn học cùng xóm cũ lúc còn ở Huế, và bất ngờ hơn khi nghe anh bạn cùng khóa này nhắc tới cô bé học trò xứ Quảng ngày xưa, bảo “con bé bây giờ xinh lắm” rồi cho địa chỉ khuyên anh nên viết thư thăm, “mi cố giữ đừng để mất con bé này, ổng lắm!” Người bạn đồng môn ấy sau này là Đại Tá Võ Toàn, đã ra đi trong những giờ phút cuối cùng theo vận nước.

Nhờ người bạn này mà anh gặp lại người xưa. Rồi theo tiếng gọi của con tim, chị rời miền Trung vào Sài Gòn trọ học ở nhà một bà chị khác có chồng đang là Trưởng Ty Cảnh Sát Gia Định. Anh ghé thăm trong bộ quân phục SVSQ khi về thủ đô tham dự cuộc diễn hành nhân ngày Quốc Khánh 26.10

năm ấy.

Ra trường, anh về trình diện Sư Đoàn 7.BB để chính thức bắt đầu cuộc đời lính chiến. Anh làm đám cưới khi đang làm đại đội trưởng trinh sát, và chị bắt đầu cuộc đời làm người vợ lính. Đơn vị anh hành quân quanh vùng Mỹ Tho, Kiến Phong, Hậu Nghĩa, Bình Dương... Thời gian hạnh phúc ngắn ngủi của chị là những lần anh trở về với vết thương sau các cuộc hành quân, để sau đó là những ngày đêm triền miên nhớ nhung, lo âu, cầu nguyện. Sau khi sanh đứa con đầu lòng, theo lời khuyên của mẹ chồng, chị bồng con theo anh từ đó. Hết miền Tây sông nước, đến miền Trung nắng gió, rồi cuối cùng là Cao Nguyên bụi đỏ, mưa mùa. Sống trong các trại gia binh, chia sẻ khổ nhọc lo âu cùng với vợ con đồng đội đang chiến đấu với chồng mình. Cũng lại xa vắng, đợi chờ và cầu nguyện theo bước chân chồng trong các cuộc hành quân, và lo âu, đau đớn mỗi lần trong trại gia binh có thêm những vành tang trắng.



SVSQ Võ Toàn – SVSQ Ngô Văn Xuân (1961)

Anh làm đại đội trưởng, tiểu đoàn trưởng rồi trung đoàn phó cho một đơn vị tác chiến lưu động, đêm ngày sống chết cùng đồng đội anh em. Lần điều động đơn vị tạo được nhiều chiến công hiển hách trong trận chiến Mùa Hè 1972 tại chiến trường ngập đầy khói lửa Kontum, anh được thăng cấp đặc cách và lên nắm trung đoàn. Trước kia, khi cuộc chiến chưa khốc liệt thì đơn vị có khá nhiều thời gian sinh hoạt tại bản doanh, các vị trung đoàn trưởng có nhiều thời gian hơn để sống yên ả bên gia đình, nhưng giờ thì cả trung đoàn miệt mài nơi trận tuyến

Kontum, Pleiku, trong khi hậu cứ cùng trại gia binh lại ở tận Ban Mê Thuột, xa tít mịt mù. Nếu thi thoảng có dịp ghé thăm vợ con, cũng chỉ trong chốc lát. Cuộc chiến ngày một khốc liệt, đặc biệt sau ngày Hoa Kỳ đơn phương cùng CSBV ký Hiệp Định Paris quai đản vào cuối tháng 1/1973, cắt giảm gần hết viện trợ quân sự cho đồng minh VNCH, người chỉ huy như bị trói cả hai tay, đầu đón nhìn đồng đội phải chiến đấu trong cam go thiếu thốn. Đạn dược, phương tiện, Không yểm bị hạn chế tối đa, cấp chỉ huy lại càng đầu đón hơn khi em út phải hy sinh ngày một nhiều hơn trong tức tưởi.

Trong mấy năm đi tìm chiến thắng tại các chiến trường khốc liệt Tây Nguyên này, anh đã mất khá nhiều những đàn em, những sĩ quan niên đệ và cả những người lính trung thành, từng bao năm cùng bên nhau sống chết mà anh hết lòng yêu thương, tin cậy, xem như anh em trong một đại gia đình. Giờ mỗi lúc nhìn lại đơn vị với nhiều khuôn mặt mới, anh cảm thấy buồn, xót xa vô hạn. Ngay từ thời điểm ấy, mỗi khi hai anh em có dịp ngồi tâm tình, anh đã buồn bã nhìn ra viễn cảnh bất hạnh, đau buồn về số phận những người lính chúng tôi cùng với cả quê hương đất nước. Dù vậy, anh vẫn âm thầm, kiên định một lòng chiến đấu bên cạnh đồng đội cho đến giờ phút cuối cùng. Trong giờ khắc tuyệt vọng nhất, đôi lần anh thoáng nghĩ đến cái chết, nhưng lại không đành lòng khi nhớ tới vợ con.

Ngày 11.3.1975 Ban Mê Thuột mất vào tay giặc. Trại gia binh trở nên bất an. Những người vợ lính vừa lo lắng cho sự an nguy của con cái vừa lo lắng cho chồng, không biết thân phận mình rồi sẽ ra sao. Được tin cả trung đoàn sẽ trở về tái chiếm Ban Mê Thuột, những người vợ lính lại thấp thỏm lo âu. Họ cũng có ít nhiều hiểu biết về kẻ thù và tìm cách cách đối phó. Họ nghĩ, sau khi chiếm được Ban Mê Thuột, chắc chắn Cộng quân sẽ cô lập và cho người trà trộn vào trại gia binh để theo dõi tin tức, tình hình, và cũng có thể có cả nội tuyến. Có thể bọn họ biết anh đang chỉ huy đại đơn vị trở về tái chiếm, nên

tìm bắt vợ con anh để làm con tin hầu gây áp lực. Một số các chị đã âm thầm đưa chị và các cháu đi ẩn trốn, rồi sau đó tìm cách ra khỏi vùng Cộng quân tạm chiếm.

Sau một thời gian vất vả đói khát, khi chị và các cháu về đến nhà thì Sài gòn đã nằm trong tay giặc. Sau này, có dịp



Trên phòng tuyến Tây Nam Pleiku đầu năm 1975. Từ trái Tổng Thống Thiệu, Thiếu Tướng Phú, Trung Tá Ngô Văn Xuân - Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 44 Sư Đoàn 23 Bộ Binh (đội nón sắt), Thiếu Tướng Lê Nguyên Khang - Phụ Tá Hành Quân Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, và Thiếu Tướng Trần Văn Trung - Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị.

gặp lại vợ của một số hạ sĩ quan và binh sĩ, tôi rất cảm kích khi nghe họ kể về lòng kính quý mà họ đã dành cho chị, vì chị sống rất bình dị, thân thiện và luôn giúp đỡ mọi người, cho dù chồng chị đang là cấp chỉ huy của trên dưới ba ngàn quân sĩ dưới quyền. Họ còn biết anh là một cấp chỉ huy trẻ tài lược và liêm khiết, nên cuộc sống của mẹ con chị cũng rất bình dân, đạm bạc.

Rồi hơn 13 năm anh bị tù đày, chị phải bươn chải từng ngày

nuôi đàn con nhỏ giữa vòng vây thù hận chất chồng. Trong hoàn cảnh này, người vợ lính còn khốn cùng khổ nhục hơn so với chồng mình đang phải sống trong tù. Ngày xưa, chắc người phụ nữ Việt nam chưa có thời nào phải khốn khổ bằng lúc này, vậy mà nhà thơ Hồ Dzếnh đã vinh danh bằng mấy câu thơ đề đời:

*Nếu chữ hy sinh có ở đời
Tôi muốn nạm vàng muôn khổ cực
Cho lòng cô gái Việt nam tươi*

Nếu còn sống đến bây giờ, không biết ông nhà thơ sẽ nạm những gì cho xứng đáng với những người vợ lính miền Nam?

Rồi anh cũng được trở về với tám thân tiều tụy và một tương lai mờ mịt. May mắn nhờ có chương trình HO, anh đưa chị cùng các cháu, đau lòng rời bỏ quê hương cùng mồ mã mẹ cha để sang vùng đất hứa. Mang theo bao thương tích đang còn trên thân xác lẫn trong tâm hồn, với cái tuổi đã hơn nửa đời, người ta cũng chẳng dễ dàng gì để làm lại cuộc đời trên vùng đất lạ, lạ từ con người, ngôn ngữ, đến ẩm thực lẫn tập quán. Khi cố gắng hội nhập và lo cho các con tạm ổn định đời sống, học hành, thì tuổi già ập đến. Niềm vui vừa mới lóe lên thì nỗi buồn vì bệnh hoạn và những ký ức từ quá khứ trở dậy, đau nhói trong lòng.

Anh giải sầu bằng cách đọc sách, viết lách và nghiên cứu về thiên học. Niềm an ủi duy nhất là sự thành đạt của các cháu nội ngoại cùng tinh huynh đệ đồng môn, chiến hữu. Anh thường bảo với tôi là, bọn mình đã mất hết giờ chỉ còn lại cái tình này. Nhưng rồi cách nay mấy năm, bất ngờ xảy ra chuyện bất hòa giữa những đồng môn mà anh từng xem trọng như anh em một nhà, giờ chia phe này nhóm nọ, một số còn nặng lời lên án, nhục mạ lẫn nhau, không còn biết anh em trên dưới.

Sự kiện đau buồn này như một nhát dao cuối cùng chém vào tim óc vốn đã đón đau già cõi, làm anh muốn quy ngã. Có lần anh bảo nhỏ tôi:

- Đừng bao giờ nhắc lại chuyện đau lòng này nữa. Anh không chịu được!

Hôm nay, nhìn anh đứng thẫn thờ trước linh cữu của chị, chúng tôi biết anh buồn và đau xót lắm, bởi từ ngày đón cô con gái xinh đẹp xứ Quảng về làm vợ, anh đã trót nặng với lời thề quyết “*không mưu cầu an lạc dễ dàng mà chỉ khát khao gió mưa cùng nguy hiểm*”, để rồi khi “*chị vẫn còn mong tiến bước mà sức thì không kham nổi đoạn đường*”, nên cả cuộc đời chị cũng phải vì anh, khổ lụy.

Bây giờ chị đã ra đi, bỏ anh ở lại với sự cô đơn, cùng bao tiếc thương, trăn trở. Vết thương cũ trong lòng vẫn chưa lành, giờ rướm máu, đón đau trở lại.

Vốn là một Phật tử thuần thành, chắc chắn anh đã ngộ được cái nghĩa “sắc không” của lẽ vô thường, nhưng tôi biết là anh vẫn đang xót xa đau đớn lắm, bởi từ lý thuyết, kinh kệ tới cảm xúc thực tế luôn là một khoảng cách khá xa. Thương và nhớ anh, nhưng tôi không dám gọi, ngại phải khuấy động thêm những con sóng ngầm còn lại đâu đó trong lòng anh. Cần có một thời gian nhất định nào đó để anh có thể bình ổn được tâm hồn.

Hình dung mai này, đặc biệt về đời sống tinh thần của anh sau ngày chị ra đi, lòng tôi bỗng lặng xuống khi nhớ tới một đoạn anh viết ở đâu đó trong “*Sau Con Bình Lửa*”, tác phẩm đầu tay của anh, xuất bản trước đây đúng mười năm:

“Tuổi đời chồng chất, sức khỏe và những hăng say của tuổi thanh xuân ngày tháng nguội dần. Tôi thấy cuộc sống mình hụt hẫng hoang mang. Mỗi năm lại vắng thêm đồng đội và rồi một ngày nào đó, cũng sẽ tới lượt mình. Điều tự nhiên này, thực chất chẳng phải là nỗi ưu tư bởi vì đó là quy luật. Nhưng điều làm tôi suy ngẫm là ý nghĩa về cuộc đời của chính mình, thế hệ chúng tôi, qua những việc đã làm, những đau thương đã trải...thực sự là gì? Hoặc chẳng là gì hết?”

Cầu xin ông Trời ban cho anh, và cho cả những người lính già lưu lạc chúng tôi, thêm nhiều nghị lực, để tiếp tục phải sống nốt những tháng ngày còn lại, dù chỉ trong vô vị, bất lực nhìn quê hương, dân tộc mình tiếp tục điêu linh

Đầu năm 2024

Đừng Thiểu Nhẫn

Nguyễn Vĩnh Quang K19/2

Đừng thiếu nhẫn để bút sa gà chết
Đừng trực tính mà viết hết “nghĩ gì”
Làm việc phải có nghĩ suy
Phải luôn thận trọng khi ghi lời mình

*Nhất là lời vô lễ, tối kỵ
Hai là lời chỉ trích đúng sai
Anh em đoàn kết nhưng hai
Cứ luôn chỉ trích mặc ai không cần*

Tình Võ Bị tình thân biết mấy
Một vài vị “bất khuất” bỏ rơi
Truyền thống làm thứ đồ chơi
Trên nhường dưới nhịn, ra khơi chìm tàu!

*Sống làm sao còn những ngày gần cuối
Trước làm tròn lời thề núi non sơn
Và luôn nuôi dưỡng cái ơn
Vài năm luyện tập chỉ hơn muôn người*

Còn hãnh diện là sĩ quan ngày ấy
Phải uốn mình trong khuôn khổ Trường xưa
Dù cho lúc nắng khi mưa
Nhưng không thay đổi, đồng đưa theo mùa.

Giang Văn Minh, Uy Vũ Bất Năng Khuất

Nguyễn Minh Thanh, Khóa 22

Trong bài Quá Linh Đình Dương, Văn Thiên Tường có câu:

“Nhân sinh tự cổ thùy vô tử
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh.”
*(Xưa nay ai sống mà không chết
Hãy để lòng son rạng sử xanh.)*

Xin mượn hai câu thơ trên tán thưởng và kính ngưỡng Ông Giang Văn Minh, một tiền nhân lẫm liệt giữa triều đình phương Bắc uy nghi, đông đảo, quyền hành, hung hăng, mặc cảm tự tôn lẫn lộn tự ti.

Sơ truyện:

Giang Văn Minh (1573 - 1638) người Sơn Tây, Đường Lâm, cùng quê với vua Ngô Quyền. Ông đỗ Đình Nguyên Thám Hoa thời Lê Trung Hưng.

Do đã đối đáp thẳng thắn trước triều đình Trung Quốc, ông bị vua Minh là Sùng Trinh hành hình vào năm 1638, thọ 65 tuổi.

Sùng Trinh cũng là tên vua cuối cùng của Nhà Minh (1368–1644). Hắn ta bị địch vây hãm nguy kịch, treo cổ tự tử...

Sau đây là Sử Truyện bi hùng về “Câu Chuyện Đối - Đáp”

của Ông Giang Văn Minh

Năm 1637 thời Lê Trung Hưng đời vua Lê Thần Tông, Ông nhận trọng nhiệm đi Sứ sang Tàu đời Nhà Minh vua Sùng Trinh. Mãi, đến năm 1638 Sùng Trinh mới cho vào châu, và ra câu đối.

Người đời thường nói: Ra câu đối thì dễ - Câu đối lại mới khó (Xuất đối dị - Đối đối nan). Điều này cũng dễ hiểu thôi.

Sùng Trinh xuất đối:

- “Đồng trụ chí kim đài dĩ lục.”
(*Trụ Đồng đến nay rêu vẫn xanh.*)

Giang Văn Minh đối lại:

- “Đằng Giang tự cổ huyết do hồng.”
(*Bạch Đằng thuở trước máu còn hồng.*)

1 - Hệ lụy với họa tòng khẩu xuất - 1638

Tiết thương thay đáng tài hoa đã mệnh chung nơi đất khách! Trước triều đình ngoại bang hồng hách, kiêu mạn, Ông vẫn bình tâm tự tại với câu đối tuyệt vời, không thể nào hay hơn. Hậu sinh nghiêm mình kính ngưỡng qua mấy vần thơ:

Giang Văn Minh Hệ Lụy Khẩu Xuất

Sùng Trinh xuất đối rất nghênh ngang
Đối đối Giang Minh tuyệt tuyệt thông:
“- Đồng trụ chí kim đài dĩ lục
- Đằng Giang tự cổ huyết do hồng.”
(Vua Minh hồng hách ngôn xâm lược
Sứ Việt hào hùng thuyết chiến công
Mặc cảm Vua Minh trừ Sứ Việt
Muôn đời nguyên rửa sóng nghiêng song.)

Nguyễn Minh Thanh

2 - Thiên Cổ Anh Hùng

Giang Văn Minh
Anh Hùng Thiên Cổ

Nam tử phương danh mãi sáng ngời
Vì danh dự nước khỏ thân côi
Tâm trung bình thần lời bình thần
Tài trí tuyệt vời đối tuyệt vời
Sứ Việt hạo nhiên câu đáp khéo
Vua Minh mặc cảm dạ sinh tòi
Thiên thu còn đó: Thơm và thối
Hậu thế: Khen, chê... vạn vạn đời...!!

Nguyễn Minh Thanh

Vé xuất là:

- Đồng trụ chí kim đài dĩ lục.

Vé đối là:

- Đẳng Giang tự cổ huyết do hồng.

Với tài ứng đối nhanh nhẹn, hoàn chỉnh, tuyệt hay, đề nhắc lại chuyện:

- Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán (938),
- Lê Hoàn đánh tan quân Tống (981) và
- Trần Hưng Đạo đánh tan quân Nguyên Mông (1288) trên sông Bạch Đằng,

Trước câu đối khảng khái tuyệt vời của Sứ Việt, lẽ ra trọng thưởng. Thế mới là chính nhân quân tử. Trái lại, vua Minh tiểu nhân ti tiện. Hấn bưng bưng lửa giận quên mất thể diện quân vương, ngạo mạn bang giao. Hấn đã trả thù bằng cách trám đường vào miệng và mắt Ông, rồi cho người mổ bụng xem “bọn sứ thần An Nam to gan lớn mật đến đâu.”

Đây là hành động cực kỳ cao ngạo, hèn hạ, và độc ác của tên vua Minh hiệu là Sùng Trinh....

Thương tiếc Sứ Thần tài trí dũng cảm bảo vệ danh dự của Tổ Quốc, khi được đưa về, vua Lê Thần Tông đã đến bái kiến

linh cữu Ông, và ban tặng đôi câu đối:

“Sứ bất nhục quân mệnh, khả vi thiên cổ anh hùng.”
(*Sứ thần không làm nhục mệnh vua, xứng danh anh hùng thiên cổ.*)

Lời Kết:

Qua Sử truyện bi hùng của Thám Hoa Giang Văn Minh, người viết chợt nhớ câu Kiều:

“ Có tài mà cậy chi tài, Chữ tài liền với chữ tai một vần.”

Song, ở đây Giang Văn Minh không hề “cậy tài”, mà là “Uy vũ bất năng khuất”. Đây mới chính là:

“Khí hạo nhiên chí đại chi cương
So chính khí đã đầy trong trời đất.” (Nguyễn Công Trứ)
(Hạo nhiên chi khí: Khí khái chính đại - ĐDA)

Trường hợp này, đồng thời gợi nhớ Sử Truyện bi hùng về Ông Ngô Thì Nhậm với tên Đặng Trần Thường. Thương thay, cảm phục Thay. Ô. cũng Uy vũ bất năng khuất . Ấy là:

“- Tiền nhân khí phách trập trùng mây bay... cao vời vợi
- Hậu bối tâm trung lác đác lá roi... thấp là đà.”

Trở lại truyện Giang Văn Minh. Ông chính là người tài trí hào hùng đơm lược lẫm liệt, trái với vua Minh là tên ngạo mạn hèn hạ đê tiện ác độc.

Hậu sinh kính dâng câu đối tưởng niệm Ông:

“*Thông minh dũng cảm hàm ý vũ uy tâm bất khuất
Trí tuệ biện tài chính ngôn cô thế khí hạo nhiên.*”

Câu đối dành cho tên vua Sùng Trinh:

“ Ngạo mạn ác độc xú danh cao sơn... tồn vạn cổ
Mặc cảm nham hiểm xuẩn động lưu thủy... tận thiên thu.”

*Nguyễn Minh Thanh kính bút.
(Georgia, 1 tháng 3 năm 2024)*

Phòng Thủ Mỹ Chánh - Quảng Trị

Huỳnh Văn Phú, Khóa 19

I

DÒNG SÔNG MỸ CHÁNH

Điều mà ít ai ngờ đến đã biến thành sự thực, một sự thực tàn khốc trong cuộc chiến tranh diệt chủng hiện tại. Đó là việc Hà Nội công khai xua quân tràn qua con sông ngăn cách Bến Hải với hàng ngàn xe tăng, đại pháo 130 ly và hoả tiễn xâm lăng miền Nam. Và nếu chiến cuộc không bùng nổ lớn như thế, cái tên Mỹ Chánh cũng như bao nhiêu địa danh xa xôi khác trên phần đất khôn khổ này đã không trở thành quen thuộc với mọi người như hiện tại.

Vào những ngày đầu tiên của tháng 4-1972 khi trận chiến bùng lên dữ dội, các căn cứ hoả lực của ta nằm dọc theo khu phi quân sự bị thất thủ. Dầu vậy, sinh hoạt ở Mỹ Chánh vẫn bình thường. Người ta vẫn tập nập đi đi về về, và dòng nước vẫn lặng lẽ chảy ra Phá Tam Giang. Cũng không ai có thể nghĩ rằng một tháng sau đó, con sông Mỹ Chánh đã đi vào huyền sử đấu tranh của dân tộc.

Bây giờ thì bất kỳ người lính Thủy Quân Lục Chiến nào cũng có quyền hãnh diện khi nhắc đến địa danh Mỹ Chánh. Nơi đây gót giày xâm lăng của quân cộng sản đã chùn bước

và đã bỏ lại dọc theo dòng sông đó hàng trăm chiếc xe tăng đủ loại, hàng ngàn xác chết của đồng bọn khi chúng mưu toan tiến sâu hơn về phía Nam.

Trong bài viết này tôi sẽ ghi lại một cách tóm lược trong trường hợp nào mà con sông Mỹ Chánh trở thành phòng tuyến bảo vệ cố đô Huế từ sau cuộc lui binh của Sư Đoàn 3 Bộ Binh ra khỏi tỉnh Quảng Trị ngày 1 tháng 5 năm 1972 cùng những diễn biến tổng quát, và những người lính Thủy Quân Lục Chiến đã chiến đấu như thế nào để giữ vững phòng tuyến này.



Cầu xe lửa Mỹ Chánh. Một binh sĩ TQLC đang gác một bên cầu. Bên kia là VC, 1972.

Ngày 15 tháng 4 tôi từ giả Sài Gòn ra đơn vị trong khi học “nửa chừng” khoá học “điều chỉnh” rất ư là “Cultivateur” tại trường Bộ Binh Thủ Đức, một quân trường mà buổi sáng ngủ dậy đã có gánh hàng rong bán bánh cuốn, bún riêu la oí oí ở đầu đường, buổi trưa thì đậu hủ và chè cháo loạn xạ. Khoảng thời gian này, từ ngày 10 tháng 4 đến 30 tháng 4 năm 1972, Lữ Đoàn 369 Thủy Quân Lục Chiến với các Tiểu Đoàn 3, Tiểu Đoàn 5, Tiểu Đoàn 7, và Tiểu Đoàn 9 Thủy Quân Lục Chiến đang hoạt động ở phía Tây và Tây Bắc Mỹ Chánh trong một khu vực rộng chừng 200 cây số vuông gồm các căn cứ Nancy, căn cứ Barbara, và căn cứ Động Ông Đô nhằm ngăn chặn sự

xâm nhập của cộng quân từ mặt Tây Nam Quảng Trị. Đơn vị tôi thì đóng tại căn cứ Nancy nằm bên trái Quốc Lộ 1, cách cây cầu Mỹ Chánh chừng một cây số về phía Tây Bắc, sau đó di chuyển ra đóng ở một ngôi làng nhỏ, kín đáo sát bên cạnh đường ray xe lửa.

Gần một tháng trời chịu trách nhiệm khu vực trên, các đơn vị thuộc Lữ Đoàn 369 Thủy Quân Lục Chiến đã chiến đấu trong những hoàn cảnh khó khăn gian khổ. Hàng ngày chạm địch liên miên từ cấp Tiểu Đoàn trở lên, đại pháo 130 ly của địch nã như mưa bão, mọi công tác tải thương đều phải di chuyển bằng đường bộ, khiêng hoặc cáng đi trên một quãng đường dài gần 10 cây số đường núi vì trục thẳng không có. Nhưng dù thế nào mặc lòng, các chiến sĩ Thủy Quân Lục Chiến cũng đã chiến đấu hăng say trong hoàn cảnh eo hẹp đó và mọi cố gắng của địch tiến quân ra vùng đồng bằng thuộc quận Hải Lăng đều bị chặn đứng hoàn toàn.

Vì ai cũng hiểu rằng nếu để địch xâm nhập thì Quảng Trị bị cô lập ngay và Quốc Lộ 1 bị cắt đứt. Do đó địch quân cay cú, hàng ngày chúng gia tăng pháo kích các đơn vị của ta. Các pháo đội của Tiểu Đoàn 1 Pháo Binh Thủy Quân Lục Chiến phải thay đổi vị trí đặt súng ngày một, nhưng di chuyển đi đâu cũng đều bị chúng pháo theo. Tiền sát viên của địch bám rất sát mọi sự xê dịch, di chuyển của ta. Lâu lâu quân ta bắt được một vài tên có máy móc vô tuyến đài hoàng, nhưng cường độ pháo kích của địch vẫn không hề suy giảm.

Tôi đã từng nghe những tiếng nổ, tiếng rít của các loại hỏa tiễn 122 ly, 240 ly, nhưng lần này tiếng rít xé gió đi trong không khí cũng như tiếng nổ của loại đại bác 130 ly (bắn xa 27 cây số do Nga-Sô chế tạo) nghe thật khiếp. Nghe tiếng rít xé gió bay qua đầu, tôi có cảm tưởng như là tiếng phản lực bay trên trời. Rồi tiếp theo là tiếng nổ thật lớn nhưng âm, mảnh văng tung toé rơi trên những mái nhà tôn như có ai lấy thật nhiều đá ném lên. Mảnh nào mảnh nấy to bằng cái chén và văng ra xa trong vòng bán kính 200 thước. Chẳng có ai biết

chúng đặt súng ở đâu cả (biết thì còn nói làm chi nữa) nhưng nghe được tiếng départ ở đâu trong dãy núi xa xa rồi sau đó khoảng chừng 5, 7 giây là đạn bay đến nổ ầm ròi.



TQLC đang củng cố hệ thống giao thông hào bên này sông Mỹ Chánh, 1972

Thường thì chúng cứ bắn hai quả một. Lính tráng hễ nghe hai tiếng départ ừng ừng thì la to “Một cặp” đó các anh em ơi! Thế là mọi người chui lẹ vào hầm. Địch bót pháo kích thì chui ra. Cứ chui ra chui vào như thế suốt ngày. Cái hoạt cảnh lên hầm xuống hầm có lẽ tôi chẳng bao giờ quên được, nhứt là khi một mảnh đạn văng rơi trên cái mũ sắt của tôi đánh cồng một tiếng như tiếng chuông chùa. Ôi ta thương cái mũ sắt biết chừng nào! Có hôm mấy trăm quả nã vào đơn vị của tôi. Ôi thôi, tôi bời hoa lá nhưng khi kiểm điểm lại thì chỉ có một chết và ba bị thương vì đạn rớt trúng ngay hầm. Giữa lúc bị pháo kích, ai nấy ở trong hầm tinh thần căng thẳng nhưng khi nghe một quả bị rớt không nổ thì mọi người lại vỗ tay cười.

Tôi cũng không biết họ nghĩ sao mà lại cười như thế, có lẽ cười vì cái khôi hài của chiến tranh tự nhiên khi không bắn giết nhau. Riêng tôi thì tôi thương cái hầm của tôi hết sức,

hôm nào đổi vị trí đóng quân, tôi không tiếc cái gì hết chỉ tiếc có cái hầm mà mấy thầy trò, anh em tôi đã đào đắp công phu. Nhiều khi nhìn nó, tôi nghĩ đến sự nhiệm màu của đất. Đất nuôi sống con người, cứu vãn con người và khi người ta buông xuôi cũng trở về với ba thước đất. Trên cõi đời ô trọc và buồn phiền này có gì tồn tại hơn là đất cát. Và đó có lẽ là cái ý nghĩa sâu cùng của con người, nhưng buồn thay không mấy ai để ý đến, chỉ lo đi tìm những cái ảo ảnh, danh vọng để lừa dối, phản bội và bắn giết nhau.

HÀNH LANG MÁU.

Khoảng thời gian đó, ngày cũng như đêm đối với tôi thật dài. Ngày thì nóng, nóng tàn nhẫn. Trời không một cơn gió. Mồ hôi vã ra như tắm. Bên tai lúc nào cũng nghe tiếng súng, tiếng pháo binh của ta và tiếng pháo kích của địch xen lẫn những tiếng súng nhỏ của các đơn vị đang đung độ. Ban đêm thì trời trong, sao giăng mắc. Chùm Đại Hùng Tinh với ngôi sao Bắc Đẩu in rõ trên nền trời. Còn chùm sao Hiệp Sĩ nữa, cả hai đều chỉ về phương Bắc, nơi đó thành phố Quảng Trị đang cố đẩy lui các cuộc tiến công của cộng quân. Hoả châu thả sáng đầy trời, thỉnh thoảng ở phía Đông những lần lửa xẹt lên ngang bầu trời rồi vụt tắt. Có lẽ đó là Hải Pháo đang bắn đi từ ngoài biển. Đôi khi tôi cũng thấy những cụm lửa thật to của chiếc hoả tiễn SAM của địch bắn lên các phi cơ.

Cho đến giờ phút đó, phòng tuyến ở phía Tây Mỹ Chánh do Thủy Quân Lục Chiến trấn giữ vẫn vững như bàn thạch. Và không một ai nghĩ rằng Quảng Trị sẽ bị thất thủ cả. Nhưng đúng một cái, trong các ngày 28, 29 và 30-4, cộng quân pháo kích dữ dội vào thành phố Quảng Trị. Thế là dân chúng hoảng hốt, bồng bế nhau chạy đi về Huế lánh nạn. Không thể nào kể hết những thảm cảnh của đám dân chạy nạn đó.

Trong hai ngày 29 và 30 tháng 4, trên quãng đường dài từ Quảng Trị đến Mỹ Chánh, người ta đi chen chúc nhau chật cả Quốc lộ từ sáng đến chiều vẫn chưa dứt. Thôi thì đủ các loại

xe lớn nhỏ nối đuôi nhau đi nườm nượp về Nam. Nhưng người đi bộ gồng gánh vẫn nhiều hơn. Dưới mắt tôi, đó là một “con rắn người” khổng lồ ngoằn ngoèo dài đến hàng mấy chục cây số. Đây, một người thanh niên cồng một người mù vừa đi vừa thờ; đằng kia là một người đàn bà gánh đôi thùng, trên đó một em bé chừng 4 tuổi đang vốc cơm ăn ngon lành.

Chỗ khác, hết cả một gia đình đang ra sức đẩy một cái xe bò chất đủ thứ áo quần, bàn ghế và một con heo nằm co quắp ở phía trước. Một ông già, hình như là chủ gia đình, đang kéo chiếc xe một cách mệt nhọc. Chiếc máy ảnh cầm trên tay, tôi đến trước mặt ông và bấm một “bô”. Ông cố nở một nụ cười đau khổ. Không biết ông cười vì được chụp ảnh hay cười vì cảnh đời dâu bể này? Và trong ánh nắng hoàng hôn của ngày 29-4, một bà già có tật đang khấp khểnh đi nhờ chiếc gậy trên tay, cái bóng đồ dài trên mặt đường. Bà ta đi chừng mười bước thì lại dừng. Xa hơn một chút, một ông già và hai cháu nhỏ đang ngồi thờ dốc trên vệ đường.

Ngay trước vị trí đóng quân của Tiểu Đoàn 5 Thủy Quân Lục Chiến, các anh chiến sĩ đem mấy thùng nước ra để bên đường cho dân uống. Có anh đem cả phần gạo sấy của mình chia cho những gia đình đang đói lả. Dù sao, đây cũng là những người còn được ít nhiều may mắn vì đã vượt về đến Mỹ Chánh. Một số lớn dân chúng bị kẹt trong vùng giao tranh giữa ta và địch tại cây cầu Bến Đá, sáu cây số Bắc Mỹ Chánh. Đó là khoảng đường “hành lang máu” của hàng ngàn dân vô tội chết oan trong khi đi lánh nạn. Lợi dụng một lỗ hổng nhỏ do việc rút quân của Tiểu Đoàn 7 Thủy Quân Lục Chiến để đi ra tăng cường mặt trận Quảng Trị, cộng quân đã xâm nhập được cây cầu Bến Đá và từ đó chặn đốt những đoàn xe chở dân chúng cũng như bắn giết dân chạy nạn không tiếc tay.

Dân chúng đang đi trên đường thì bị hàng loạt đại bác 130 ly ngã ra chết. Những cái chết vô lý bủa chụp xuống đời họ như những nổi kinh hoàng. Họ có biết gì đâu. Có cả một chiếc xe bị bắn lật nhào xuống hố kéo theo 30 mạng người và cái hố

đó là mồ chôn chính họ luôn. Trên khoảng đường này không có một gia đình nào nguyên vẹn, kẻ mất người còn và thất lạc tứ tung. Đây, sự nghiệp giải phóng của đoàn quân miền Bắc là như thế đó. Giải phóng người sống mau về bên kia thế giới, giải tỏa tất cả sự nghiệp của mọi người trở về hai bàn tay trắng.

Những hình ảnh đó, có lẽ suốt đời tôi không thể nào quên được. Mỗi ngày, tôi từ vị trí đóng quân ra ngồi trên con đường sắt, con đường mà ngày xưa xe lửa đã chạy ra đến Hà Nội, nhìn đám dân lũ lượt kéo nhau đi mà trong lòng nghe chua xót. Tôi cố tìm trong đám người đi đó xem có ai quen thuộc không, nhưng không, không có ai cả. Tôi muốn chia sẻ những nỗi khổ đau với họ nhưng tôi đã hoàn toàn bất lực.

II

Tháng 5-1972, Thủy Quân Lục Chiến là hy vọng cuối cùng của Quân Đoàn I. Cộng quân đã vượt Hải Lăng áp sát sông Mỹ Chánh. Trong chưa đầy một tháng tin tức chiến trường ập xuống như bão lửa. Cồn Thiên, Khe Gió, Ba Hô, Gio Linh, Cửa Việt đồng loạt thất thủ. Tôi tẻ hơn nữa, Trung Tá Phạm Văn Đính, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 56 Việt Nam Cộng Hoà mà về sau thành Trung Tá Việt cộng, đầu hàng tại Camp Carroll. Mất tám khiên chắn phía Tây, Sư Đoàn 3 Bộ Binh không thể giữ Đông Hà và Ái Tử.

Với dân Thừa Thiên, an nguy trao hết cho người lính mũ xanh. Phần bút ký tiếp theo của Thiếu Tá Huỳnh Văn Phú ghi lại những ngày này.

BÊN NÀY SÔNG, BÊN KIA SÔNG

Giữa đoàn người đi hỗn độn đó, Tiểu Đoàn 5 Thủy Quân Lục Chiến tung quân lên cầu Đập Đá để giải vây áp lực địch. Tại đây, Tiểu Đoàn 7 Thủy Quân Lục Chiến khi đi tăng cường cho mặt trận Bắc Quảng Trị vẫn còn bị kẹt lại hai đại đội ở khúc đường này. Hai đơn vị phối hợp nhau đánh bật địch quân về phía Tây. Cuộc giao tranh kéo dài suốt ngày, các chiến sĩ Thủy Quân Lục Chiến đã thanh toán hết các phân tử địch vừa

xâm nhập ở đây.

Cho đến giờ phút đó, mặt trận ở phía Tây Mỹ Chánh vẫn vững như vách núi Trường Sơn, nhưng việc gì đã xảy đến. Ngày 1 tháng 5 năm 1972 các đơn vị tử thủ Quảng Trị rời bỏ thành phố di chuyển về Nam. Cuộc lui binh mà trước đó mấy ngày ít ai nghĩ đến đã thành sự thật. Tình hình bây giờ đổi khác, Lữ Đoàn 369 Thủy Quân Lục Chiến trở thành tuyến đầu ngăn chặn địch tại Mỹ Chánh, không còn một đơn vị bạn nào khác nữa.



Xe tăng của một đơn vị Thiết Giáp tại Quảng Trị, 1972.

Bám sát các cánh quân của ta vừa di tản chiến thuật ra khỏi tỉnh Quảng Trị, cộng quân lần tiến theo cho đến quận Hải Lăng. Tại đây, các đơn vị thuộc Lữ Đoàn 369 Thủy Quân Lục Chiến một mặt “tiếp rước” các đơn vị bạn từ Bắc xuống, mặt khác cố đánh bật địch đội ngược trở lên. Nội trong buổi sáng ngày 1 tháng 5, Tiểu Đoàn 9 Thủy Quân Lục Chiến đã dùng súng M72 hạ một lúc chín xe tăng T54 của Bắc Việt chặn đứng hoàn toàn sức tiến của địch. Tiểu Đoàn 9 và Tiểu Đoàn 2 Thủy Quân Lục Chiến đã quần thảo với địch suốt trong ngày dài nhất đó với một mục đích duy nhất: Không cho chúng tiến thêm một tấc đất nào nữa kể từ khu vực này.

Sau đó cây cầu Mỹ Chánh được giựt sập ngay trong đêm và các đơn vị Thủy Quân Lục Chiến thiết lập một phòng tuyến mới ở bên này con sông. Theo sát những diễn biến, tôi đã nghĩ rằng nếu ngày hôm ấy mà không có các Tiểu Đoàn 2 và 9 Thủy Quân Lục Chiến kiên trì chặn đứng được địch quân tại Mỹ Chánh giữa con ngát nghèo đó thì không biết chiến trường trong những ngày kế tiếp sẽ diễn biến ra sao và đến đâu. Một Nguyễn Kim Đề của Tiểu Đoàn 9, một Nguyễn Xuân Phúc của Tiểu Đoàn 2 Thủy Quân Lục Chiến tại mặt trận Mỹ Chánh ngày 1 tháng 5 cũng như một Đỗ Hữu Tùng của Tiểu Đoàn 6 Thủy Quân Lục Chiến trong trận “xa chiến lớn” tại căn cứ Phụng Hoàng ngày 9 tháng 4 là những Đơn Vị Trưởng đã góp công không nhỏ trên chiến trường Trị Thiên suốt 60 ngày chiến đấu đẫm máu.

Họ là những sĩ quan có đầy đủ kích thước, tài ba và mưu lược để chỉ huy những đơn vị cỡ trung cấp. Đại Tá Phạm Văn Chung, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 369, người chỉ huy trận đánh và đơn phương quyết định phải ngay tức khắc chặn địch tại tuyến Mỹ Chánh cũng đã không tiếc lời khen ngợi hai đơn vị nói trên. (Bây giờ Đại Tá Chung về Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến làm Tham Mưu Trưởng Hành Quân, Trung Tá Nguyễn Thế Lương thay thế.)

Buổi chiều, khi tôi rời Mỹ Chánh để về đóng quân tại Phong Điền, ánh nắng vàng vọt buồn bã ngả dài trên những dãy núi phía Tây lỗ chỗ những vệt xanh vệt trắng. Nhà cửa hai bên đường không một bóng người, quang cảnh thật thê lương. Đã nhiều lần tôi bắt gặp lòng mình lắng sâu trong cảnh vật bởi tôi đã đi trên cái hoang vắng đó. Trên con đường nhựa duy nhưt một ông già với chiếc bị da đã ngả màu trên vai, đi âm thầm trong ánh nắng hoàng hôn sấp tắt.

Ông già đã đi giữa buổi hoàng hôn của cuộc đời và hoàng hôn của đất trời. Nhưng ai biết được ông đi về đâu? Tôi quay về phía sau, bóng những người lính in lên trên nền trời đang dần dần đổi sang màu đen của bóng đêm. Xa hơn, về phía Bắc

những cụm khói đen không lồ bốc lên cao cùng những tiếng nổ ì ầm. Quảng Trị đã xa tầm tay! Ít ra trong phút này, niềm mơ ước có phút rồi rảnh nào đó được “dzọt” lẹ về thành phố này uống một chai bia, ăn một tô bún đã không thể thành tựu được nữa.

Và cái chuyện Bên Kia Giáo Đường của tôi cũng tan thành mây khói, không biết đến bao giờ mới xong vì nhân vật chính đã phiêu bạt ở phương nào rồi. Tôi cũng ước mong được trở lại căn nhà mà tôi đã trú đóng bên kia sông Mỹ Chánh, không biết để làm gì, vì nơi đó không phải là quê hương của tôi nhưng tôi mong muốn như thế, sớm hơn. Niềm mong ước đó cũng giống như hàng vạn người dân Quảng Trị mong sớm được nhìn về dòng sông Thạch Hãn của họ. Nhưng tôi tin chắc rằng niềm mong ước của họ lớn lao hơn, to tát hơn. Trong buổi chiều đó, khi đi ngang qua cây cầu, tôi đã “tức cảnh sinh tình” và rất lần thẩn “mần” ra mấy câu “thi” thuộc loại dị tự do, dạng khô hài mà chỉ có những đại thi sĩ cỡ “khều mặt trời” mới mần ra nổi.

Bài thơ như sau:

*Tôi ở bên này sông Mỹ Chánh
Anh ở bên kia sông
Đứng bên này sông
Nhìn thấy bên kia
Đứng ở bên kia
Trông thấy bên này
Lội ra giữa giòng sông
Nhìn thấy cả hai bên
Lặn xuống nước
Chả trông thấy bên nào cả!*

(còn tiếp)